

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2026/DS-ST

Ngày: 28-01-2026

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Mỹ Phúc.

Bà Đặng Ngọc Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Trần Giang Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 363/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2025, về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 333/2025/QĐXXST- DS ngày 19 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP P; trụ sở chính: Tòa nhà T, số A T, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N. Chức vụ: Trưởng Phòng pháp lý và tài sản. (văn bản ủy quyền số 03/2025/UQ-CT.HĐQT ngày 04/4/2025).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn N: Ông Lê Hùng H; Ông Khuất Phạm Thế S; địa chỉ liên hệ: Số A đường Đ, phường N, Thành phố Cần Thơ. (văn bản ủy quyền số 1092.01 ngày 05/9/2025). (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Ngọc T1, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số F, khóm T, phường T, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/9/2025 và quá trình giải quyết vụ án người đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP P trình bày:

Ngân hàng TMCP P (gọi tắt là Ngân hàng O) ký kết với chị Trần Thị Ngọc T1 giấy đề nghị vay vốn kiêm thỏa thuận cho vay và đề nghị phát hành kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 18/6/2022, số tiền cho vay: 34.050.000 đồng, thời hạn vay: 36 kỳ, mục đích vay: mua dịch vụ, lãi suất cho vay 51%/năm, lãi suất trên dư nợ gốc quá hạn: 150% lãi suất cho vay, lãi suất trên lãi chậm trả: 10%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, chị T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 20/01/2023, Ngân hàng O chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 05/9/2025, chị T1 đã thanh toán cho Ngân hàng O số tiền là 22.118.00 đồng trong đó vốn gốc là 13.875.493 đồng, lãi 8.242.507 đồng và còn nợ lại 66.628.260 đồng trong đó vốn gốc 20.174.507 đồng, lãi vay 24.773.286 đồng, lãi trên gốc quá hạn 17.374.328 đồng, lãi trên lãi quá hạn 4.306.139 đồng.

Ngân hàng O yêu cầu chị T1 phải trả cho ngân hàng toàn bộ tiền tính đến ngày 18/12/2025 là 71.731.623 đồng trong đó vốn gốc 20.174.507 đồng, lãi vay 24.773.286 đồng, lãi trên gốc quá hạn 21.771.820 đồng, lãi trên lãi quá hạn 5.012.010 đồng. Kể từ ngày 19/12/2025, chị T1 còn phải chịu lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo hợp đồng đã ký và buộc chị T1 chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị Ngọc T1 đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do; không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn Trần Thị Ngọc T1 nhằm tạo điều kiện cho chị T1 tất toán khoản vay, Ngân hàng O chỉ yêu cầu chị T1 trả tiền gốc và lãi trong hạn, đồng ý giảm toàn bộ lãi phạt trên gốc quá hạn và lãi quá hạn. Cụ thể: Ngân hàng O yêu cầu chị Trần Thị Ngọc T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng O tính đến ngày 28/01/2026 số tiền tổng cộng là 32.174.507 đồng, trong đó nợ gốc 20.174.507 đồng, nợ lãi trong hạn là 12.000.000 đồng. Kể từ ngày 29/01/2026, chị T1 còn phải chịu lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo hợp đồng thẻ tín dụng đã ký.

Bị đơn chị Trần Thị Ngọc T1 được Tòa án triệu tập họp lệ xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

Về tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long giải quyết vụ án đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền theo qui định của pháp luật từ khi thụ lý đơn kiện cho đến khi đưa vụ án ra xét xử công khai. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử

chấp hành đầy đủ và đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc chị Trần Thị Ngọc T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng O số tiền tổng cộng 32.174.507 đồng tính đến ngày 28/01/2026 (trong đó nợ gốc 20.174.507 đồng, nợ lãi trong hạn là 12.000.000 đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cấp thẻ từ ngày 29/01/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Về án phí: Bị đơn chị Trần Thị Ngọc T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Trần Thị Ngọc T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng O khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Trần Thị Ngọc T1 trả nợ gốc lãi theo hồ sơ đề nghị vay vốn kiêm thỏa thuận cho vay và đăng ký sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng Com-B. Do đó, đây là vụ án tranh chấp về “Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự.

Bị đơn Trần Thị Ngọc T1 có nơi cư trú trên địa bàn phường T, tỉnh Vĩnh Long vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Trần Thị Ngọc T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng O số tiền tổng cộng là 32.174.507 đồng tính đến ngày 28/01/2026 (trong đó nợ gốc 20.174.507 đồng, nợ lãi trong hạn 12.000.000 đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng từ ngày 29/01/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Đối với khoản tiền nợ gốc: Hội đồng xét xử nhận thấy ngày 18/6/2022, chị Trần Thị Ngọc T1 ký đề nghị vay vốn kiêm thỏa thuận cho vay và đề nghị phát hành kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng thỏa thuận hạn mức sử dụng thẻ, số tiền đề nghị vay là 50.000.000 đồng, ngày 24/6/2022 O đã giải ngân cho chị T1 số tiền 34.050.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị T1 đã thanh toán cho Ngân hàng O số tiền vốn gốc là 13.875.493 đồng và chưa thanh toán

nghĩa vụ còn lại đến cuối kỳ (ngày 05/9/2025) với số tiền là 20.174.507 đồng cho Ngân hàng đã vi phạm các Điều 2, Điều 7 của Điều khoản và điều kiện giao dịch chung sản phẩm cho vay phục vụ nhu cầu đời sống tại khối khách hàng đại chúng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Đối với khoản tiền lãi: Đến ngày 28/01/2026, Ngân hàng O xác định chị Trần Thị Ngọc T1 còn nợ lãi trong hạn là 24.773.286 đồng và chỉ yêu cầu chị T1 trả số tiền 12.000.000 đồng nợ lãi trong hạn. Hội đồng xét xử nhận thấy giữa nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện thỏa thuận lãi suất quy định tại Điều 2 của Điều khoản và điều kiện giao dịch chung sản phẩm cho vay phục vụ nhu cầu đời sống tại khối khách hàng đại chúng. Ngân hàng O yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi bị đơn trả hết nợ là có căn cứ đúng pháp luật phù hợp với quy định Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn chị Trần Thị Ngọc T1 phải chịu 1.608.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng O không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 1.666.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ các Điều 101, 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P.

Buộc bị đơn Trần Thị Ngọc T1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số tiền tổng cộng là 32.174.507 đồng (ba mươi hai triệu một trăm bảy mươi bốn ngàn năm trăm lẻ bảy đồng) tính đến ngày 28/01/2026 trong đó nợ gốc 20.174.507 đồng, nợ lãi trong hạn 12.000.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/01/2026) bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết

định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Buộc bị đơn Trần Thị Ngọc T1 phải chịu 1.608.700 đồng (một triệu sáu trăm lẻ tám ngàn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 1.666.000 đồng (một triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu số 0008955 nộp ngày 10/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TVL;
- VKSND KV1 - VL;
- Phòng THADS KV1;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Hải Châu